

Số: /2025/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao,
tiền thưởng đối với các tổ chức theo quy định tại khoản 5 và khoản 8
Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao,
tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm tiền gửi;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với các tổ chức theo quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại khoản 5 và khoản 8 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 44/2025/NĐ-CP) đối với các tổ chức sau:

1. Các Quỹ tài chính, gồm: Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Các Tổ chức tài chính, gồm: Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; Ngân hàng Chính sách xã hội; Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3. Đài Truyền hình Việt Nam (sau đây gọi tắt là VTV).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (sau đây gọi chung là người lao động).

2. Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính (sau đây gọi chung là Ban điều hành); Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc VTV.

3. Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng thành viên Quỹ tài chính; Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị Tổ chức tài chính (sau đây gọi chung là Thành viên hội đồng).

4. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát làm việc theo chế độ bổ nhiệm (sau đây gọi chung là Kiểm soát viên).

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Chương II

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI QUỸ TÀI CHÍNH VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH

Mục 1

NGUYÊN TẮC, YẾU TỐ KHÁCH QUAN VÀ QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, THANG LƯƠNG, BẢNG LƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng

Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính thực hiện nguyên tắc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 003/2025/TT-BNV), trong đó khi xác định tiền lương đối với người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (sau đây gọi tắt là chênh lệch thu chi); chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi, được xác định bằng chênh lệch thu chi chia cho chỉ tiêu do Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính lựa chọn theo vốn chủ sở hữu hoặc vốn góp của chủ sở hữu của Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính. Chỉ tiêu tổng doanh thu, tổng chi phí được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán, tài chính, trong đó chỉ tiêu tổng doanh thu làm cơ sở để xác định tiền lương đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam bao gồm tổng nguồn thu từ hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi hằng năm trước khi trích để hạch toán vào thu nhập; thu hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi và thu

hoạt động khác được xác định theo quy định về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 4. Yếu tố khách quan loại trừ khi xác định tiền lương

1. Khi xác định tiền lương của người lao động và Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên thì Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính loại trừ các yếu tố khách quan quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chênh lệch thu chi, tỷ suất chênh lệch thu chi và các yếu tố khách quan theo tính chất đặc thù của Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính, gồm:

a) Quỹ đầu tư phát triển địa phương loại trừ các yếu tố quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều 42 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia loại trừ các yếu tố quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

c) Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa loại trừ các yếu tố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã loại trừ các yếu tố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

đ) Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa loại trừ các yếu tố quy định tại điểm b khoản 3 Điều 55 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

e) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam loại trừ các yếu tố do nhà nước điều chỉnh khung phí bảo hiểm tiền gửi; điều chỉnh hạn mức trả tiền bảo hiểm; cấp vốn điều lệ; điều chỉnh lãi suất tiền gửi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước; điều chỉnh mức phí bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; điều chỉnh lãi suất trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và không phát hành trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải thực hiện chi trả tiền bảo

hiểm cho người gửi tiền tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phá sản của tổ chức tín dụng đã được phê duyệt; cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng phi ngân hàng) bị rút tiền hàng loạt theo quy định pháp luật; phải sử dụng vốn hoạt động để mua trái phiếu dài hạn của bên nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước; bán trái phiếu Chính phủ, bán trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền trong trường hợp quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả bảo hiểm tiền gửi; tham gia tái cơ cấu và tham gia xử lý tổ chức tín dụng yếu kém theo quy định pháp luật; miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị kiểm soát đặc biệt hoặc không thu được phí của kỳ thu phí ngay trước thời điểm kiểm soát đặc biệt.

g) Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam loại trừ các yếu tố do nhà nước thay đổi mức phí quản lý; thay đổi lãi suất cho vay và lãi suất huy động các nguồn vốn trái phiếu chính phủ bảo lãnh, các khoản vay Ngân hàng Nhà nước phải trả lãi, tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng Nhà nước bằng đồng Việt Nam; điều chỉnh hoặc phát sinh mới chênh lệch tỷ giá và dự phòng rủi ro tín dụng.

2. Việc tính toán, loại trừ tác động của các yếu tố khách quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

Điều 5. Quản lý lao động, thang lương, bảng lương

Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính thực hiện quản lý lao động, xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương đối với người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng và Kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

Mục 2

QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI QUỸ TÀI CHÍNH

Điều 6. Tiền lương của người lao động và Ban điều hành

Tiền lương của người lao động và Ban điều hành Quỹ tài chính được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Chương II Thông tư số 003/2025/TT-BNV, trong đó khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện, quỹ tiền lương thông qua mức tiền lương bình quân theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 003/2025/TT-BNV hoặc khi xác định quỹ tiền lương thực hiện

thông qua đơn giá tiền lương ổn định theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 003/2025/TT-BNV thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi, hệ số tiền lương, khoản tiền lương tăng hoặc giảm, phần tiền lương tăng thêm và phần quỹ tiền lương giảm trừ gắn theo lợi nhuận thì được gắn theo chênh lệch thu chi.

Điều 7. Mức lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

Mức lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách được thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, trong đó:

1. Mức lương cơ bản của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Chủ tịch Quỹ tài chính tính theo mức lương cơ bản của chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên. Mức lương cơ bản của thành viên Hội đồng quản lý tính theo mức lương cơ bản của chức danh thành viên Hội đồng thành viên.

2. Khi xác định mức lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi.

3. Mức tiền lương kế hoạch theo khoản 1, khoản 5 Điều 21 và khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP được xác định gắn với chỉ tiêu chênh lệch thu chi và tỷ suất chênh lệch thu chi như sau:

a) Quỹ tài chính có chênh lệch thu chi và tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch không thấp hơn thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ bản.

b) Quỹ tài chính có chênh lệch thu chi kế hoạch không thấp hơn chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề và tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch thấp hơn thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương kế hoạch tối đa được xác định theo công thức sau:

$$MTL_{kh} = ML_{cb} \times 1,5 \times \frac{ROB_{kh}}{ROB_{thnt}} \times 0,7 \quad (1)$$

Trong đó:

- MTL_{kh} : Mức tiền lương kế hoạch;
- ML_{cb} : Mức lương cơ bản;
- ROB_{kh} : Tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch;

- ROB_{thnt} : Tỷ suất chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề.

c) Quỹ tài chính có chênh lệch thu chi kế hoạch thấp hơn thực hiện năm trước liền kề và tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch không thấp hơn thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương kế hoạch tối đa được xác định theo công thức sau:

$$MTL_{kh} = ML_{cb} \times 1,5 \times \frac{TC_{kh}}{TC_{thnt}} \times 0,7 \quad (2)$$

Trong đó:

- MTL_{kh} : Mức tiền lương kế hoạch;
- ML_{cb} : Mức lương cơ bản;
- TC_{kh} : Chênh lệch thu chi kế hoạch;
- TC_{thnt} : Chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề.

d) Quỹ tài chính có chênh lệch thu chi và tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch đều thấp hơn thực hiện năm trước liền kề:

Trường hợp tỷ lệ (%) tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch so với tỷ suất chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề thấp hơn tỷ lệ (%) chênh lệch thu chi kế hoạch so với chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương kế hoạch tối đa được xác định theo công thức (1);

Trường hợp tỷ lệ (%) chênh lệch thu chi kế hoạch so với chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề thấp hơn tỷ lệ (%) tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch so với tỷ suất chênh lệch thu chi thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương kế hoạch tối đa được xác định theo công thức (2).

đ) Quỹ tài chính có chênh lệch thu chi hoặc tỷ suất chênh lệch thu chi kế hoạch không thấp hơn thực hiện năm trước liền kề, nhưng mức tiền lương kế hoạch sau khi xác định theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này mà thấp hơn mức tiền lương (bao gồm cả phần tiền lương tăng thêm đối với trường hợp Quỹ tài chính có chênh lệch thu chi thực hiện vượt chênh lệch thu chi kế hoạch) thực hiện năm trước liền kề thì được tính bằng mức tiền lương thực hiện năm trước liền kề. Riêng mức tiền lương thực hiện năm 2024 làm cơ sở so sánh khi xác định mức tiền lương kế hoạch năm 2025 là mức tiền lương từ quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2024 được xác định theo quy định của pháp luật về lao động, tiền lương và phân phối theo quy chế trả lương của Quỹ tài chính.

e) Mức tiền lương kế hoạch sau khi xác định theo điểm b, c và d khoản này không thấp hơn 80% mức lương cơ bản.

Điều 8. Mức tiền lương thực hiện, thù lao, tạm ứng tiền lương, thù lao, quyết định mức tiền lương, thù lao đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

Việc xác định mức tiền lương thực hiện, mức thù lao, tạm ứng tiền lương, thù lao, quyết định mức tiền lương, thù lao đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi; mức tiền lương thực hiện của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên tối đa không vượt quá 1,5 lần mức lương cơ bản theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Tiền thưởng, phúc lợi

Tiền thưởng, phúc lợi của người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định riêng đối với Quỹ tài chính (nếu có), trong đó tiền lương của Ban điều hành làm việc theo chế độ bổ nhiệm làm cơ sở để xác định tiền thưởng là mức tiền lương từ quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và Ban điều hành theo quy chế trả lương của Quỹ tài chính.

Mục 3

**QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO,
TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÀI CHÍNH**

Điều 10. Tiền lương của người lao động và Ban điều hành

Tiền lương của người lao động và Ban điều hành Tổ chức tài chính được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Chương II Thông tư số 003/2025/TT-BNV, trong đó khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện, quỹ tiền lương thông qua mức tiền lương bình quân theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 003/2025/TT-BNV hoặc khi xác định quỹ tiền lương thực hiện thông qua đơn giá tiền lương ổn định theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 003/2025/TT-BNV thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi; hệ số tiền lương, khoản tiền lương tăng hoặc giảm, phần tiền lương

tăng thêm và phần quỹ tiền lương giảm trừ gắn theo lợi nhuận thì được gắn theo chênh lệch thu chi.

Điều 11. Mức lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

Mức lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách được xác định theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 003/2025/TT-BLĐTBOXH. Khi xác định mức lương cơ bản, mức tiền lương kế hoạch thì chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi.

Điều 12. Mức tiền lương thực hiện, thù lao, tạm ứng tiền lương, thù lao, quyết định mức tiền lương, thù lao đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

Việc xác định mức tiền lương thực hiện, mức thù lao, tạm ứng tiền lương, thù lao, quyết định mức tiền lương, thù lao đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi.

Điều 13. Tiền thưởng, phúc lợi

Tiền thưởng, phúc lợi của người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định riêng đối với Tổ chức tài chính (nếu có), trong đó tiền lương của Ban điều hành làm việc theo chế độ bổ nhiệm làm cơ sở để xác định tiền thưởng là mức tiền lương từ quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và Ban điều hành theo quy chế trả lương của Tổ chức tài chính.

Điều 14. Cơ chế tiền lương và quỹ tiền lương trong giai đoạn cơ cấu lại Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Trong giai đoạn cơ cấu lại thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam chưa thực hiện quản lý tiền lương, thù lao theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này mà thực hiện cơ chế tiền lương, quỹ tiền lương theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2021/NĐ-CP) như sau:

1. Tiền lương của người lao động được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP.

2. Tiền lương của người quản lý (gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng) được xác định gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP, trong đó trường hợp người quản lý được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ thì tiền lương tối đa theo quy định sau:

a) Mức tiền lương của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát viên làm việc chuyên trách không vượt quá mức lương cơ bản của mức 4, nhóm I quy định tại Điều 20 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

b) Mức tiền lương của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xác định theo từng chức danh, bảo đảm mức tiền lương bình quân của các chức danh này không vượt quá mức tiền lương bình quân của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách.

Chương III **QUẢN LÝ TIỀN LƯƠNG** **ĐỐI VỚI ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM**

Mục 1 **NGUYÊN TẮC, YẾU TỐ KHÁCH QUAN XÁC ĐỊNH TIỀN LƯƠNG**

Điều 15. Nguyên tắc xác định tiền lương

1. Quỹ tiền lương của người lao động trong VTV được xác định và thực hiện theo các đơn vị của VTV như sau:

a) Quỹ tiền lương của người lao động trong Ban Biên tập Truyền hình Đa phương tiện được xác định và thực hiện gắn với năng suất lao động và lợi nhuận, theo quy định tại Điều 17 Mục 2 Chương này.

b) Quỹ tiền lương của người lao động trong các cơ quan thường trú tại nước ngoài được xác định và thực hiện gắn với tiêu chuẩn, định mức và chế độ của nhà nước đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, theo quy định tại Điều 18 Mục 2 Chương này.

c) Quỹ tiền lương của người lao động trong các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất và quản lý (sau đây gọi tắt là đơn vị sản xuất, quản lý), được xác

định và thực hiện gắn với năng suất lao động và mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí, theo quy định tại Mục 3 Chương này.

2. Tiền lương của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc VTV được tính chung trong quỹ tiền lương của người lao động trong các đơn vị sản xuất, quản lý và được chi trả theo quy chế trả lương do VTV xây dựng và ban hành.

Điều 16. Yếu tố khách quan loại trừ khi xác định tiền lương

1. VTV loại trừ yếu tố khách quan khi xác định tiền lương của người lao động như sau:

a) Khi xác định tiền lương của người lao động trong Ban Biên tập Truyền hình Đa phương tiện thì loại trừ yếu tố khách quan quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động và lợi nhuận.

b) Khi xác định tiền lương của người lao động trong các đơn vị sản xuất, quản lý thì loại trừ yếu tố khách quan quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và các yếu tố khách quan theo tính chất đặc thù của VTV ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động và mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí, gồm: VTV sản xuất tin tức, chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có trong kế hoạch sản xuất, phát sóng hàng năm mà không bố trí được kinh phí thực hiện; VTV thực hiện sự kiện thể thao Giải vô địch bóng đá thế giới (World cup), Giải vô địch bóng đá châu Âu (Euro) làm phát sinh tiền bản quyền, chi phí sản xuất chương trình liên quan đến bản quyền ngoài kế hoạch mà doanh thu từ hoạt động này không đủ bù đắp chi phí.

2. Việc tính toán, loại trừ tác động của các yếu tố khách quan quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

Mục 2

TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI BAN BIÊN TẬP TRUYỀN HÌNH ĐA PHƯƠNG TIỆN VÀ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ TẠI NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Tiền lương đối với Ban Biên tập Truyền hình Đa phương tiện

Quỹ tiền lương, chi trả tiền lương đối với người lao động trong Ban Biên tập Truyền hình Đa phương tiện được xác định, tạm ứng, dự phòng và phân phối theo quy định tại Chương III Nghị định số 44/2025/NĐ-CP và Chương II Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

Điều 18. Tiền lương đối với cơ quan thường trú tại nước ngoài

Quỹ tiền lương, chi trả tiền đối với người lao động trong các cơ quan thường trú tại nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Mục 3

TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SẢN XUẤT, QUẢN LÝ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 19. Xác định quỹ tiền lương

VTV căn cứ quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP để lựa chọn phương pháp xác định quỹ tiền lương của người lao động (bao gồm viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động) đơn vị sản xuất, quản lý và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, trong đó:

1. Trường hợp VTV lựa chọn xác định quỹ tiền lương thông qua mức tiền lương bình quân thì quỹ tiền lương kế hoạch được xác định trên cơ sở số lao động bình quân và mức tiền lương bình quân kế hoạch, trong đó mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định căn cứ vào mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề gắn với năng suất lao động và mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí kế hoạch so với thực hiện năm trước liền kề như sau:

a) Doanh thu bù đắp được chi phí và năng suất lao động kế hoạch cao hơn so với thực hiện của năm trước liền kề thì tiền lương bình quân tăng tối đa không vượt quá mức tăng năng suất lao động, tính theo công thức sau:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} + TL_{bqthnt} \times \left(\frac{W_{kh}}{W_{thnt}} - 1 \right) \times H_{tlns} \quad (3)$$

Trong đó:

- TL_{bqkh} : Mức tiền lương bình quân kế hoạch.

- TL_{bqthnt} : Mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề, được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện năm trước liền kề của người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc chia cho số lao động bình quân thực tế sử dụng của năm trước liền kề và chia cho 12 tháng.

- W_{kh} : Năng suất lao động kế hoạch; W_{thnt} : năng suất lao động thực hiện năm trước liền kề, xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

- H_{tlns} : Hệ số tiền lương theo năng suất do VTV chọn trong khoảng từ 0,8 đến tối đa bằng 1,0.

b) Doanh thu bù đắp được chi phí và năng suất lao động kế hoạch bằng so với thực hiện của năm trước liền kề thì tiền lương bình quân tính bằng năm trước liền kề.

c) Doanh thu bù đắp được chi phí và năng suất lao động kế hoạch giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định dựa trên mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề trừ phần tiền lương giảm theo năng suất theo công thức sau:

$$TL_{ns} = TL_{bqthnt} \times \left(1 - \frac{W_{kh}}{W_{thnt}}\right) \times 0,8 \quad (4)$$

Trong đó:

- TL_{ns} : Phần tiền lương giảm theo năng suất.

- TL_{bqthnt} : Mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề

d) Doanh thu không bù đắp được chi phí thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định dựa trên mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề và giảm cho đến khi đảm bảo doanh thu bù đắp chi phí, nhưng thấp nhất bằng mức lương cơ sở do Chính phủ quy định nhân với hệ số lương và phụ cấp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số lao động bình quân thực tế sử dụng và mức tiền lương bình quân thực hiện, trong đó mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với năng suất lao động và mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí thực hiện so với kế hoạch theo nguyên tắc như xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với năng suất lao động và mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí kế hoạch so với thực hiện năm trước liền kề.

2. Trường hợp VTV lựa chọn xác định quỹ tiền lương thông qua đơn giá tiền lương ổn định thì quỹ tiền lương được xác định theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 003/2025/TT-BNV, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí; phần

tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương giảm trừ gắn theo lợi nhuận thì được gắn theo chỉ tiêu mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí.

3. Số lao động để tính mức tiền lương bình quân, năng suất lao động, năng suất lao động bình quân, mức độ bảo đảm doanh thu bù đắp chi phí bình quân làm cơ sở xác định quỹ tiền lương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, bao gồm viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các đơn vị sản xuất, quản lý và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và được xác định theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

Điều 20. Tạm ứng, dự phòng và phân phối tiền lương đối với các đơn vị sản xuất, quản lý

1. Căn cứ vào các quỹ tiền lương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Thông tư này, VTV quyết định tạm ứng, dự phòng tiền lương của người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

2. Việc phân phối tiền lương đối với người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc thực hiện theo quy chế trả lương do VTV xây dựng và ban hành, bảo đảm công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật. Quy chế trả lương phải bảo đảm nguyên tắc mức tăng tiền lương bình quân thực hiện của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không vượt quá mức tăng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động trong các đơn vị sản xuất, quản lý.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Bãi bỏ các văn bản sau:

a) Thông tư số 32/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

b) Thông tư số 34/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương đối với Đài Truyền hình Việt Nam;

c) Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

d) Thông tư số 04/2019/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

đ) Thông tư số 34/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

e) Thông tư số 12/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

g) Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

3. Đối với Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính, VTV đã phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 trước thời điểm Nghị định số 44/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì phải rà soát, điều chỉnh lại quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động và Ban điều hành (hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc), mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên theo các nội dung được hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Chế độ ăn giữa ca đối với người lao động, Ban điều hành hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên của Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính, VTV được thực hiện theo thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy, quy chế của Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính, VTV theo quy định của pháp luật.

5. Đối với Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đang áp dụng cơ chế tiền lương theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này thì thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định đối với Quỹ tài chính tại Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng giám đốc, Giám đốc, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản lý, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch quỹ, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên Quỹ tài chính, Tổ chức tài chính thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 28 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, khoản 1 Điều 20 Thông tư số 003/2025/TT-BNV và báo cáo số liệu theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 003/2025/TT-BNV, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận trong các biểu mẫu được thay bằng chỉ tiêu chênh lệch thu chi; chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận được thay bằng chỉ tiêu tỷ suất chênh lệch thu chi.

2. Tổng giám đốc VTV có trách nhiệm:

a) Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động trong các đơn vị trước ngày 15 tháng 4 hằng năm; đơn giá tiền lương ổn định (đối với trường hợp VTV lựa chọn xác định quỹ tiền lương thông qua đơn giá tiền lương ổn định).

b) Ban hành quy chế trả lương bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật; quyết định tạm ứng tiền lương, trích dự phòng và phân phối tiền lương đối với người lao động và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.

c) Tổng hợp, báo cáo quỹ tiền lương của VTV và số liệu theo biểu mẫu số 1 và số 2 ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hằng năm để kiểm tra, giám sát.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Quỹ tài chính, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Nội vụ để được nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các bộ, các cơ quan ngang bộ, các cơ quan trực thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW các đoàn thể và các Hội;
- Sở Tài chính tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CTL&BXH, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Khương

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC
VÀ KẾ HOẠCH NĂM ... CỦA VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**
(trường hợp xác định quỹ lương thông qua mức lương bình quân)
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNV ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm...		Kế hoạch năm ...
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng			
3	Tổng chi phí	Tr.đồng			
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng			
5	Chênh lệch thu chi	Tr.đồng			
6	Năng suất lao động (1)	(2)			
II	Tiền lương của người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (không bao gồm lao động công nghệ cao)				
1	Tiền lương của người lao động khối sản xuất và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc				
a)	Số lao động bình quân, trong đó:	Người			
-	Số lượng Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	Người			
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người			
b)	Tiền lương bình quân, trong đó:	1.000đ/tháng			
-	Người lao động	1.000đ/tháng			
-	Tổng giám đốc	1.000đ/tháng			
-	Các Phó Tổng giám đốc	1.000đ/tháng			
c)	Quỹ tiền lương, trong đó	Tr.đồng			
-	Người lao động	Tr.đồng			
-	Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	Tr.đồng			
2	Tiền lương của lao động Ban Biên tập Truyền hình Đa phương tiện				
a)	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người			

b)	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng			
c)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng			
3	Tiền lương của Cơ quan Thường trú tại nước ngoài				
a)	Số viên chức bình quân	Người			
b)	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng			
c)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng			
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng			
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao				
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người			
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng			
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng			
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng			

Ghi chú: (1) Ghi cụ thể tên chỉ tiêu tính năng suất lao động VTV lựa chọn, nếu sử dụng chỉ tiêu khác phản ánh hao phí lao động thì phải có thuyết minh cụ thể.

(2) Ghi đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính năng suất lao động tại điểm (1) theo năm.

(3) Nếu sử dụng chữ ký số thì bỏ phần này.

....., ngày tháng năm

Người lập biểu (3)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng giám đốc (3)
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC
VÀ KẾ HOẠCH NĂM ... CỦA VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**
(trường hợp xác định quỹ tiền lương thông qua đơn giá)
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNV ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Các năm liền trước năm đầu tiên áp dụng đơn giá				Thực hiện năm ...
			Thực hiện năm ...	Thực hiện năm ...	Thực hiện năm ...	Bình quân các năm liền trước	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh						
1	Chỉ tiêu tính đơn giá (1)						
2	Chênh lệch thu chi	Tr.đồng					
3	Chênh lệch thu chi sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước	Tr.đồng					
4	Năng suất lao động (2)	(3)					
II	Tiền lương của người lao động, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc (không bao gồm lao động công nghệ cao)						
1	Tiền lương của người lao động khối sản xuất và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc						
a)	Số lao động bình quân, trong đó:	Người					
-	Số lượng Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	Người					
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người					
b)	Thời gian áp dụng đơn giá (4)... năm, với đơn giá là ...	(5)					
c)	Tiền lương bình quân, trong đó:	1.000đ/tháng					
-	Người lao động	1.000đ/tháng					
-	Tổng giám đốc	1.000đ/tháng					
-	Các Phó Tổng giám đốc	1.000đ/tháng					
d)	Quỹ tiền lương đơn giá	Tr.đồng					
2	Tiền lương của lao động Ban Biên tập						

	Truyền hình Đa phương tiện						
a)	Số lao động bình quân (bao gồm cả viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động)	Người					
b)	Thời gian áp dụng đơn giá (4)... năm, với đơn giá là ...	(5)					
c)	Quỹ tiền lương theo đơn giá	Tr.đồng					
d)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng					
3	Tiền lương của Cơ quan Thường trú tại nước ngoài						
a)	Số viên chức bình quân	Người					
b)	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng					
c)	Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đồng					
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao						
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người					
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng					
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng					
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng					

Ghi chú: (1) Ghi cụ thể tên chỉ tiêu tính đơn giá.

(2) Ghi cụ thể tên chỉ tiêu tính năng suất lao động VTV lựa chọn, nếu sử dụng chỉ tiêu khác phản ánh hao phí lao động thì phải có thuyết minh cụ thể.

(3) Ghi đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính năng suất lao động tại điểm theo năm.

(4) Ghi số năm áp dụng đơn giá.

(5) Ghi cụ thể đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính đơn giá.

(6) Nếu sử dụng chữ ký số thì bỏ phần này.

Người lập biểu (6)
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

....., ngày tháng năm

Tổng giám đốc (6)
(Ký, ghi rõ họ tên)